

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 348/2024/DS-PT  
Ngày: 12-8-2024  
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán

NHÂN DANH QUỐC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Huỳnh Thị Hồng Vân

*Các Thẩm phán:* Ông Đặng Văn Nhữ

Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Hà Trung Kiên - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Tho - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 323/2024/TLPT-DS ngày 09 tháng 7 năm 2024, về “tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 45/2024/DS-ST ngày 31 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Bến Lức bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 296/2024/QĐ-PT ngày 16 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Trần Thị Phương D, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Ấp E, xã T, huyện B, tỉnh Long An.

*Người đại diện theo uỷ quyền của bà D:* Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1985 (có mặt).

Địa chỉ: Số D N, Khu phố C, thị trấn B, huyện B, tỉnh Long An.

(Theo văn bản uỷ quyền ngày 28/5/2024)

**- Bị đơn:** Bà Hà Thị T, sinh năm 1976 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp E, xã T, huyện B, tỉnh Long An.

*Người đại diện theo uỷ quyền của bà T:* Bà Võ Thị Ngọc N, sinh năm 1995 (có mặt).

Địa chỉ: Số D N, Khu phố C, thị trấn B, huyện B, tỉnh Long An.

(Theo văn bản uỷ quyền ngày 24/4/2024)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Trần Văn T1, sinh năm 1972 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp E, xã T, huyện B, tỉnh Long An.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn Hà Thị T.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 12/01/2024, trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm, nguyên đơn bà Trần Thị Phương D trình bày:*

Bà D là thương lái và có bán chanh cho bà Hà Thị T là chủ vựa chanh 7 T. Mỗi lần giao chanh, bà T sẽ cung cấp cho thương lái 1 hoá đơn tổng hợp ghi số lượng chanh, giá mua và số tiền mua chanh của mỗi lần. Sau khi thanh toán tiền hoặc tổng hợp hoá đơn thì bà T thu lại hoá đơn cũ, những hoá đơn chưa chốt hoặc chưa trả tiền thì thương lái vẫn giữ hoá đơn.

Tổng cộng những lần giao chanh mà bà T thiếu tiền không trả như sau:

- Ngày 17/8/2022: Giao 2 lần. Lần 1: 579kg x 5.000đ/kg = 2.895.000 đồng; lần 2: 836kg x 5.000đ/kg= 4.180.000 đồng, tổng cộng 7.075.000 đồng.

- Ngày 23/11/2022: Bà T chốt nợ của các hoá đơn tháng 4/2022 bà T còn nợ là 50.000.000 đồng; trừ số tiền bà T đã trả 30.000.000 đồng (gồm: ngày 07/8/2022 trả 10.000.000 đồng, ngày 20/9/2022 trả 5.000.000 đồng, ngày 12/10/2022 chuyển khoản 5.000.000 đồng, ngày 23/11/2022 trả 10.000.000 đồng) nên bà T còn thiếu số tiền là: 20.000.000 đồng.

- Ngày 04/10/2023: 1.022kg x 11.000đ/kg = 11.242.000 đồng;

- Ngày 05/10/2023: 935kg x 11.500đ/kg = 10.752.000 đồng;

- Ngày 06/10/2023: 378kg x 11.000đ/kg = 4.158.000 đồng.

Tổng cộng số tiền chanh bà T còn nợ bà là 53.227.000 đồng. Sau đó, bà T trả tiếp số tiền là 10.000.000 đồng nên còn nợ lại 43.227.000 đồng.

Bà D đã liên hệ bà T rất nhiều lần nhưng bà T hứa hẹn liên tục không thực hiện. Nay bà D khởi kiện yêu cầu bà T phải trả cho bà số tiền 43.227.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp gồm: 06 bản chính hoá đơn tổng hợp.

*Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Hà Thị T do bà Võ Thị Ngọc N là người đại diện theo ủy quyền trình bày:*

Khoảng thời gian 2022-2023, bà T có mua chanh của bà D, khi mua chanh có thoả thuận trả chậm, sau khi mua có bán qua nhiều thị trường nhưng không thu được đủ tiền. Trong quá trình mua bán với bà D thì bà T có ứng tiền mặt và chuyển khoản cho bà D số tiền 105.000.000 đồng (tiền mặt 30.000.000 đồng: Ngày 07/8/2022 ứng 10.000.000 đồng, ngày 20/9/2022 ứng 5.000.000 đồng, ngày 12/10/2022 ứng 5.000.000 đồng, ngày 23/11/2022 ứng 10.000.000 đồng;

chuyển khoản ngày 12/10/2022 ứng 5.000.000 đồng; các ngày 20/02/2023, 24/02/2023, 03/3/2023 mỗi lần ứng 20.000.000 đồng và ngày 19/5/2023 ứng 10.000.000 đồng). Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (gọi tắt là Ngân hàng) đã cung cấp thông tin trong thời gian từ 19/02/2023 đến 07/9/2023, từ số tài khoản của bà Hà Thị T chuyển đến số tài khoản của bà Trần Thị Phương D theo các uỷ nhiệm chi ngày 19/02/2023, 23/02/2023, 03/3/2024 mỗi lần chuyển 20.000.000 đồng, ngày 19/5/2023 chuyển 10.000.000 đồng, ngày 07/9/2023 chuyển 20.390.000 đồng, tổng cộng 90.390.000 đồng. Ngoài ra, bà D còn mua chanh ngược lại của bà T và còn nợ lại tiền. Sau khi đối chiếu số tiền đã ứng và số tiền phải trả khi mua chanh thì bà T không còn nợ bà D số tiền nào.

Vụ án được Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành hòa giải nhưng các đương sự không thỏa thuận được với nhau.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 45/2024/DS-ST ngày 31 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Bến Lức đã căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 3 Điều 228, Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 351, Điều 352, Điều 357, Điều 431, Điều 432, Điều 433, Điều 440 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Phương D. Buộc bà Hà Thị T có nghĩa vụ thanh toán cho bà Trần Thị Phương D số tiền 43.227.000 đồng (bốn mươi ba triệu hai trăm hai mươi bảy ngàn đồng) phát sinh từ hợp đồng mua bán hàng hoá.

2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Hà Thị T phải chịu 2.161.350 đồng (hai triệu một trăm sáu mươi một ngàn ba trăm năm mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Trần Thị Phương D không phải chịu án phí, hoàn trả cho bà D số tiền tạm ứng án phí 1.080.000 đồng (một triệu không trăm linh tám ngàn đồng) đã nộp theo biên lai thu số 0006910 ngày 22/01/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Lức.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền, thời hạn kháng cáo, quyền và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự.

Bản án chưa có hiệu lực pháp luật.

Ngày 12/6/2024, bị đơn bà Hà Thị T kháng cáo không đồng ý bản án sơ thẩm, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự không thảo thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

*Bị đơn do bà Võ Thị Ngọc N đại diện theo uỷ quyền trình bày nội dung kháng cáo:* Bị đơn thừa nhận việc mua bán giữa bà D với bà T thực hiện trong thời gian dài, với hình thức mua hàng trả chậm. Sau khi cân trừ số tiền bà T đã thanh toán và tiền hàng bà D mua lại thì bà T không còn nợ tiền bà D, các khoản tiền chuyển khoản nhằm thanh toán chung cho các hoá đơn bà D đang khởi kiện nhưng bà T quên không thu hồi lại hoá đơn. Bà T không còn nợ bà D nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà D.

*Nguyên đơn do ông Nguyễn Văn H đại diện theo uỷ quyền trình bày:* Giữa bà T với bà D thực hiện theo hình thức mua hàng trước trả tiền sau, sau mỗi lần thanh toán sẽ thu hồi lại hoá đơn cũ. Các khoản tiền bà T đã chuyển khoản cho bà D nhằm để thanh toán cho các hoá đơn khác và bà T đã thu hồi lại, không liên quan đến các hoá đơn hiện nay bà D đang khởi kiện. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà T.

*Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu ý kiến:*

Về tố tụng: Việc chấp hành pháp luật tố tụng của Tòa án cấp phúc thẩm và các đương sự chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Kháng cáo của đương sự trong thời hạn luật định đủ điều kiện để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Về nội dung kháng cáo:

Các đương sự thừa nhận giữa bà D với bà T có giao dịch mua bán chanh trong thời gian từ năm 2022 đến năm 2023. Trong đó bà D là người bán, bà T là người mua. Mỗi lần giao chanh sẽ được bà T ghi hoá đơn tổng hợp thể hiện số lượng chanh và giá tiền cho người bán giữ, sau khi thanh toán sẽ thu lại hoá đơn.

Nguyên đơn bà D đã cung cấp bản chính 06 hoá đơn tổng hợp vào các ngày 17/8/2022, 23/11/2022, 04/10/2023, 05/10/2023, 06/10/2023 thể hiện bà D có giao cho bà T nhiều lần hàng với tổng số tiền hàng là 53.227.000 đồng. Bà T đã trả được 10.000.000 đồng nên còn nợ lại 43.227.000 đồng.

Bị đơn bà T cho rằng sau khi cân trừ số tiền bà T đã thanh toán và tiền hàng bà D mua lại thì bà T không còn nợ tiền bà D. Chứng cứ là các phiếu sao kê chuyển khoản ngân hàng từ 19/02/2023 đến 07/9/2023 với tổng số tiền 90.390.000 đồng. Tuy nhiên, các khoản tiền sao kê tại Ngân hàng đều không xác định ghi rõ nội dung giao dịch hay trả cho hoá đơn nào. Bà T cũng không cung cấp được chứng cứ chứng minh có việc cân trừ nợ là tiền hàng mà bà D mua lại của bà T. Bà T cho rằng đã trả tiền hàng nhưng quên nhận lại hoá đơn thì không được nguyên đơn thừa nhận và không có chứng cứ chứng minh.

Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bà Hà Thị T. Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 giữ nguyên bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn bà Hà Thị T được làm đúng theo quy định tại Điều 272 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên được chấp nhận để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về sự vắng mặt đương sự: Bà Hà Thị T, bà Võ Thị Ngọc N, ông Nguyễn Văn H có mặt. Ông Trần Văn T1 vắng mặt, đã được triệu tập hợp lệ, có văn bản yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ vào Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về phạm vi xét xử phúc thẩm:

Nguyên đơn bà Trần Thị Phương D khởi kiện yêu cầu bà Hà Thị T có nghĩa vụ thanh toán cho bà D số tiền mua chanh trái còn nợ là 43.227.000 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bị đơn bà T kháng cáo cho rằng không còn nợ tiền bà D, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà T do bà N đại diện không rút kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Căn cứ Điều 293 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xem xét trong phạm vi liên quan đến yêu cầu kháng cáo của đương sự.

[4] Xét kháng cáo của bị đơn bà Hà Thị T, thấy rằng:

Các đương sự thống nhất giữa bà Trần Thị Phương D và bà Hà Thị T có giao dịch mua bán chanh trong thời gian từ năm 2022 đến năm 2023. Trong đó, bà D là người bán (thương lái), bà T là người mua (chủ vựa chanh). Mỗi lần bà D giao chanh sẽ được bà T ghi hoá đơn thể hiện số lượng chanh và giá tiền cho người bán giữ, khi thanh toán tiền thì bên mua sẽ thu lại hoá đơn. Tuy nhiên, các đương sự không thống nhất số tiền nợ.

Bà T cho rằng bà D đã ứng trước nhiều lần tiền và bà D mua lại chanh của bà T. Chứng cứ bà T cung cấp là các phiếu sao kê chuyển khoản Ngân hàng S từ ngày 19/02/2023 đến ngày 07/9/2023 với tổng số tiền 90.390.000 đồng. Tuy nhiên, các khoản tiền sao kê tại Ngân hàng đều không xác định ghi rõ nội dung giao dịch hay trả tiền cho hoá đơn nào. Trong khi việc mua bán giữa bà D với bà T diễn ra trong thời gian dài, bà T cũng không cung cấp được toàn bộ sổ sách hay cùi các hoá đơn trong quá trình giao dịch với bà D, không cung cấp được chứng cứ chứng minh có việc cản trừ nợ. Bà T cũng thừa nhận hình thức mua bán chanh thanh toán trả chậm, giao hàng trước thanh toán sau.

Bà D còn giữ và cung cấp bản chính 06 hoá đơn vào các ngày 17/8/2022, 23/11/2022, 04/10/2023, 05/10/2023, 06/10/2023 thể hiện bà D có giao cho bà T nhiều lần hàng với tổng số tiền hàng là 53.227.000 đồng. Theo bà D thì bà T có

trả được 10.000.000 đồng nên còn nợ lại 43.227.000 đồng và yêu cầu bà T trả số tiền này.

Xét thấy, bà D đã giao đủ hàng cho bà T nhưng bà T chưa thanh toán đầy đủ tiền hàng là đã vi phạm Điều 440 Bộ luật Dân sự năm 2015. Do đó, bà D khởi kiện yêu cầu bà T trả số tiền còn nợ là 43.227.000 đồng và không yêu cầu tính lãi là có lợi cho bị đơn. Bà T cho rằng bà đã trả tiền cho bà D nhưng do bà quên thu lại hóa đơn, lời trình bày của bà T không được người đại diện của bà D thừa nhận, bà T không cung cấp được chứng cứ chứng minh. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ.

Bà Hà Thị T kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ mới làm thay đổi nội dung vụ án nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà T. Chấp nhận toàn bộ đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Hà Thị T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm do kháng cáo không được chấp nhận.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

*Vì các lẽ trên,*

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Hà Thị T.

Giữ nguyên quyết định của Bản án dân sự sơ thẩm số 45/2024/DS-ST ngày 31 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 3 Điều 228, Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 351, Điều 352, Điều 357, Điều 431, Điều 432, Điều 433, Điều 440 Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 26, 27, 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Phương D. Buộc bà Hà Thị T có nghĩa vụ thanh toán cho bà Trần Thị Phương D số tiền 43.227.000 đồng (bốn mươi ba triệu hai trăm hai mươi bảy nghìn đồng) phát sinh từ hợp đồng mua bán hàng hoá.

2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

### 3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

3.1. Bà Hà Thị T phải chịu 2.161.350 đồng (hai triệu một trăm sáu mươi mốt nghìn ba trăm năm mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

3.2. Bà Trần Thị Phương D không phải chịu án phí, hoàn trả cho bà D số tiền tạm ứng án phí 1.080.000 đồng (một triệu không trăm tám mươi nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu số 0006910 ngày 22/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

### 4. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Buộc bà Hà Thị T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm. Khấu trừ 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0007450 ngày 17/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

### 5. Về hướng dẫn thi hành án dân sự:

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Về hiệu lực của bản án: Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

#### **Nơi nhận:**

- TANDCC tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện Bến Lức;
- Chi cục THADS huyện Bến Lức;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Huỳnh Thị Hồng Vân**